

Phát huy vai trò của dịch vụ tài chính vi mô tại Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam nhằm đảm bảo quyền con người (quyền kinh tế và xã hội)

Trịnh Thị Thúy Hồng

Nguyễn Văn Giáp

Khoa TCNH & QTKD - Trường Đại học Quy Nhơn

Tóm tắt: Việt Nam đã ký công ước quốc tế về quyền con người (1982), vì vậy Trong thời gian qua Chính phủ Việt Nam đã có nhiều biện pháp để đảm bảo quyền con người như đã cam kết. Trong đó một phần quan trọng của quyền con người là quyền kinh tế, xã hội. Để đảm bảo quyền này Nhà nước đã thực hiện nhiều biện pháp như: thực hiện các chương trình, các dự án và ủy thác vốn cho Ngân hàng chính sách xã hội để thực hiện một số chương trình cho vay... Trong các biện pháp trên, thì hoạt động của Ngân hàng chính sách xã hội trong thời gian qua đã góp phần đáng kể trong việc đảm bảo quyền kinh tế, xã hội của con người ở Việt Nam. Tuy nhiên, để phát huy tối đa vai trò của Ngân hàng chính sách xã hội trong đảm bảo quyền con người thì Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam cần phát triển đồng bộ hơn nữa các dịch vụ tài chính vi mô.

Từ khóa: tài chính vi mô, ngân hàng CSXH Việt Nam, quyền con người

1. Tài chính vi mô và các dịch vụ tài chính vi mô

Tài chính vi mô: là một thuật ngữ đề cập đến sự cung cấp các dịch vụ tài chính cho những khách hàng có thu nhập thấp, bao gồm cả tự tạo việc làm. Các dịch vụ tài chính nói chung bao gồm tiết kiệm, tín dụng; tuy nhiên một vài tổ chức tài chính vi mô cũng cung cấp các dịch vụ bảo hiểm và thanh toán (Joanna Ledgerwood, 1999).

Thuật ngữ TCVM cũng được đề cập tương đối phổ biến ở Việt Nam, Nghị định 28/2005/NĐ-CP, đã dùng một khái niệm khác thay thế cho thuật ngữ này, đó là tài chính quy mô nhỏ và nó được định nghĩa “Tài chính quy mô nhỏ là hoạt động cung cấp một số dịch vụ tài chính, ngân hàng nhỏ, đơn giản cho các hộ gia đình, cá nhân có thu nhập thấp, đặc biệt là hộ gia đình nghèo và người nghèo”.

2. Nội dung về quyền con người theo công ước quốc tế (16/12/1966)

Theo Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền của Liên Hiệp Quốc được Đại hội đồng Liên hiệp quốc thông qua ngày 16/12/1966 và có hiệu lực từ ngày 3/01/1976, con người có ba nhóm quyền cơ bản bao gồm Quyền dân sự; Quyền chính trị; và Quyền Kinh tế, Xã hội và Văn hóa.

Nhóm nghiên cứu chỉ tập trung vào phân tích quyền kinh tế, xã hội, văn hóa (ICESCR). Công ước quốc tế về quyền kinh tế, xã hội, văn hóa (ICESCR) đã thông qua 31 điều. Bao gồm các nội dung chính sau:

Các quyền kinh tế

+ Quyền kinh tế đầu tiên là quyền của tất cả mọi người, các dân tộc đều có quyền tự do định đoạt các nguồn tài nguyên thiên nhiên và của cải của mình và có những biện pháp tích cực để hợp tác phát triển, tôn trọng quyền các quốc gia khác và các nước đã ký kết không xâm phạm các quyền theo công ước này (điều 1 đến điều 5).

+ Tiếp theo là hàng loạt các quyền có việc làm và liên quan đến việc làm và đảm bảo lợi ích, an toàn của người lao động (điều 6,7,8).

Các quyền xã hội

+ Quyền đảm bảo an sinh xã hội: có chế độ cho người đau ốm, tuổi già, bảo hiểm xã hội, bảo vệ bà mẹ trẻ em và trẻ sơ sinh, chống bóc lột lao động trẻ em (điều 9, 10).

+ Quyền cơ bản của con người là không bị đói và được không ngừng cải thiện điều kiện sống. Quyền của mọi người được có một mức sống thích đáng cho bản thân và gia đình mình, bao gồm các khía cạnh về ăn, mặc, nhà ở, và được không ngừng cải thiện điều kiện sống (điều 11).

+ Quyền được hưởng các điều kiện tốt nhất về tinh thần và sức khỏe (điều 12); quyền được hưởng các điều kiện tốt nhất về giáo dục và tự do giáo dục (điều 13, 14).

3. Vai trò của dịch vụ tài chính vi mô đối với quyền kinh tế và xã hội

Các dịch vụ tài chính vi mô nếu được đa dạng hóa và cải thiện về chất lượng thì có thể phát huy tối đa vai trò của nó trong việc đảm bảo quyền kinh tế và xã hội

của con người thông qua:

i) Dịch vụ huy động tiền gửi có vai trò là tăng tiết kiệm cho người nghèo, từ đó tăng thu nhập, cải thiện điều kiện sống cho người nghèo => Cải thiện điều kiện sống người dân.

Người nghèo khi tham gia dịch vụ huy động tiền gửi sẽ có được thu nhập từ tài khoản sinh lợi của tài khoản tiền gửi. Từ đó xây dựng ý thức thói quen tiết kiệm, tích lũy tài sản, tập dượt kỹ năng tài chính. Đồng thời, nhờ việc tiết kiệm chi tiêu, tích lũy vốn là cơ sở cho người có thu nhập thấp tham gia SXKD mở rộng SXKD, tạo thêm công ăn việc làm cho người lao động góp phần cải thiện điều kiện sống của họ.

ii) Dịch vụ cho vay: Cho vay hộ nghèo, cho vay hộ sản xuất nhỏ, cho vay DNVVN, cho vay học sinh... có vai trò là tạo việc làm, tăng thu nhập => Thực hiện quyền cơ bản là không bị đói => Quyền có việc làm.

Nhờ vào dịch vụ cho vay, người nghèo được cung cấp vốn từ đó sẽ tạo được việc làm cho bản thân cũng như tạo ra việc làm cho người khác thông qua mở các trang trại, nhà xưởng nhỏ, tạo việc làm cho người dân địa phương tạo cho họ thu nhập từ đó đảm bảo quyền không bị đói của con người. Dịch vụ cho vay cũng góp phần tạo cho mọi người có cơ hội kiếm sống bằng công việc do họ tự lựa chọn. Chẳng hạn như dịch vụ cho vay học sinh giúp họ có cơ hội tiếp tục hoàn thành ước mơ để có công việc mà họ đã chọn.

iii) Dịch vụ thanh toán có vai trò là rút ngắn được thời gian, chi phí cũng như công sức đi lại. => quyền được hưởng các điều kiện tốt nhất về tinh thần và sức khỏe, tự do giáo dục

Dịch vụ thanh toán sử dụng các dịch vụ ứng dụng công nghệ đẩy nhanh quá trình hoàn thành giao dịch tạo điều kiện cho người dân hưởng được các điều kiện tốt nhất về tinh thần sức khỏe, giáo dục, khoa học bởi nó làm gia tăng thuận lợi trong các giao dịch tài chính đồng thời chi phí được giảm thiểu đáng kể. Chẳng hạn việc áp dụng khoa học kỹ thuật trong thanh toán như: thanh toán online, máy ATM, mobile banking,... đã góp phần chăm sóc sức khỏe được cải thiện và giáo dục bằng cách giảm nhu cầu đối với các y tá và giáo viên để đi đến địa điểm lĩnh thu nhập của họ bằng tiền mặt. Chính phủ và khu vực tư nhân thường có trụ sở tại khu vực đô thị, trong khi đó lại sử dụng lao động trên khắp đất nước, thường xuyên nhất trong khu vực nông thôn. Khó khăn trong việc chuyển tiền từ thành thị đến nông thôn có thể có hậu quả thực sự cho hệ thống giáo dục và chăm sóc sức khỏe, một phần lớn là do vắng mặt. Dịch vụ thanh toán đã làm rút ngắn thời gian để giáo viên hay y tá có thể rút tiền đồng thời kéo dài thời gian phục vụ công tác của họ tạo điều kiện tốt nhất để mọi người được hưởng các dịch vụ về tinh thần và sức khỏe, cũng như giáo dục.

iv) Dịch vụ bảo hiểm có vai trò là tạo cơ hội cho việc tiếp cận và sử dụng các loại hình bảo hiểm trong

đó có bảo hiểm xã hội => quyền đảm bảo an sinh xã hội. Hạn chế thiệt hại, quản lý rủi ro => cải thiện điều kiện sống, giảm việc trở lại đói nghèo.

- Dịch vụ bảo hiểm đã cung cấp các loại hình bảo hiểm thiết yếu; như theo điều 9 của ICESCR đã nêu lên mọi người đều được hưởng an sinh xã hội, kể cả bảo hiểm xã hội. Và việc được mua BHXH sẽ giúp tạo tâm lý yên tâm cho người dân, khi về già họ được hưởng lương hưu, khi đau ốm, mất việc họ được hưởng trợ cấp, ổn định thu nhập từ đó giúp họ yên tâm lao động.

- Vai trò quan trọng của dịch vụ bảo hiểm đối với các gia đình có thu nhập thấp và doanh nghiệp nhỏ là có thể phân nào ổn định tài chính, quản lý rủi ro tốt hơn. Nhờ đó mà họ có thể ổn định về kinh tế và từng bước cải thiện cuộc sống.

v) Dịch vụ tài chính nông nghiệp có vai trò là tư vấn, hỗ trợ và cung cấp các dịch vụ để quá trình sản xuất nông nghiệp đạt được lợi ích tối đa => cải thiện điều kiện sống, đồng thời tăng hiệu quả sản xuất nông nghiệp từ đó hạn chế tái nghèo (quyền không bị đói).

Theo điều 11 khoản 2 mục a của ICESCR thì dịch vụ tài chính nông nghiệp đã góp phần cải thiện phương thức sản xuất, vận dụng vào nông nghiệp các tiến bộ kỹ thuật góp phần vào gia tăng năng suất và không ngừng cải thiện cuộc sống.

vi) Dịch vụ kênh phân phối có vai trò là Được hưởng các tiến bộ khoa học và lợi ích của những tiến bộ ấy => quyền được hưởng các điều kiện tốt nhất về tinh thần và sức khỏe, giáo dục, khoa học.

Dịch vụ kênh phân phối gián tiếp điển hình là: EFT-POS, máy rút tiền tự động, ngân hàng qua điện thoại, ngân hàng qua mạng,... chúng góp phần đưa hình ảnh của Ngân hàng đến với mọi người. Qua đó giúp chính phủ có cơ hội sử dụng để dàn trải các dịch vụ thanh toán của ngân hàng để phân phối tiền trợ cấp xã hội, các phúc lợi xã hội một cách kịp thời góp phần cho mọi người có quyền được hưởng các điều kiện tốt nhất về tinh thần về sức khỏe, được thụ hưởng các tiến bộ của khoa học và tham gia giáo dục dễ dàng.

4. Thực trạng các dịch vụ tài chính vi mô tại NHC-SXH Việt Nam nhằm đảm bảo quyền kinh tế, xã hội

Để thực hiện Công ước Công ước quốc tế về quyền con người, ngày 31/8/1995 Thủ tướng Chính phủ Võ Văn Kiệt đã ký Quyết định số 525/TTg về việc thành lập Ngân hàng Phục vụ người nghèo. Từ đó khi thành lập cho đến nay, Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam (NHCSXH) đã hoạt động như một mô hình ngân hàng tài chính vi mô. Hiện nay ở Việt Nam có nhiều tổ chức tài chính vi mô, tuy nhiên, NHCSXH Việt Nam là ngân hàng tài chính vi mô duy nhất tập trung giải quyết đói nghèo và cung cấp các dịch vụ tài chính cho người nghèo.

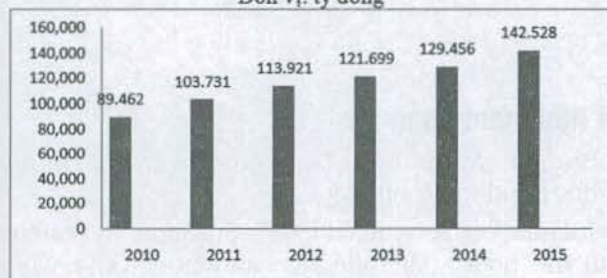
Hiện nay, Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam đang cung cấp các dịch vụ tài chính vi mô sau: dịch vụ

cho vay, nhận tiền gửi tiết kiệm, dịch vụ thanh toán và phát hành thẻ sinh viên.

4.1. Dịch vụ cho vay

Vai trò trong việc thực hiện quyền kinh tế, xã hội của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam thể hiện rõ nét ở các chương trình tín dụng của Ngân hàng. Các chương trình tín dụng trên đã góp phần đáng kể trong việc đảm bảo quyền kinh tế và xã hội của con người ở Việt Nam. Để thực hiện được nhiệm vụ đó, Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam đã nỗ lực rất nhiều để hoàn thiện các hoạt động của mình, đặc biệt là cấp tín dụng với lãi suất ưu đãi, thấp hơn lãi suất thị trường cho người nghèo, lãi suất cho vay còn thấp hơn cả lãi suất huy động, còn phần thâm hụt do nhà nước cấp bù. Tổng dư nợ tín dụng tính đến 31/12/2014 đạt 129.456 tỷ đồng, tăng 6,4% so với cùng kỳ năm 2013. Tạo điều kiện cho hơn 2,1 triệu lượt khách hàng vay vốn, góp phần giúp trên 400 nghìn hộ vượt qua ngưỡng nghèo; thu hút, tạo việc làm mới cho trên 162 nghìn lao động, trên 660 nghìn lượt học sinh sinh viên được vay vốn đi học... góp phần tích cực giảm tỷ lệ hộ nghèo của cả nước xuống dưới 6% đến cuối năm 2014. Đến 31/12/2015, tổng dư nợ cho vay các chương trình tín dụng chính sách đạt 142.528 tỷ đồng, tăng 13.072 tỷ đồng (10,1%) so với thực hiện 31/12/2014, với hơn 6.863 nghìn hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng chính sách còn dư nợ.

Hình 1: Tổng dư nợ cho vay của NHCSXH Việt Nam, 2010 – 2015
Đơn vị: tỷ đồng



Nguồn: Báo cáo thường niên của NHCSXH

Trong đó, dư nợ cho vay chủ yếu tập trung ở các hộ nghèo và hộ cận nghèo bình quân chiếm 40,06%, tiếp theo là cho vay học sinh, sinh viên chiếm 28,15%, cho vay hộ gia đình sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn chiếm 10,82%, giải quyết việc làm chiếm 4,9% và doanh nghiệp vừa và nhỏ chiếm 0,14% tổng dư nợ của NHCSXH, còn lại là cho vay khác như cho vay xuất khẩu lao động, hỗ trợ xây nhà, trồng rừng, nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, nhà ở...

4.2. Dịch vụ nhận tiền gửi tiết kiệm

Hiện nay dịch vụ nhận tiền gửi tiết kiệm tại NHCSXH Việt Nam chưa thực sự được lãnh đạo Ngân hàng chú ý, chưa có các sản phẩm linh hoạt cũng như lãi suất tiền gửi chưa hợp lý nên chưa thu hút được nhiều khoản tiền gửi của các cá nhân, hộ gia đình sản xuất nhỏ, hộ nghèo. Điều này thể hiện ở các số liệu cụ thể như: trong năm 2014 tổng vốn vay và huy động của

NHCSXH Việt Nam là 95.245 tỷ đồng, thì trong đó chỉ có 6.183 tỷ đồng huy động được từ các tổ chức, cá nhân trên thị trường - chiếm 6,5% so với tổng vốn vay và vốn huy động; trong đó tiền gửi tiết kiệm thông qua tổ tiết kiệm và vay vốn là 3.400 tỷ đồng chiếm 3,56% so với tổng số vốn vay và vốn huy động. Như vậy, con số về kết quả huy động tiền gửi tiết kiệm từ dân cư là quá nhỏ. Hiện nay vốn huy động của NHCSXH Việt Nam chủ yếu là vốn ủy thác của Chính phủ, vốn vay, vốn từ phát hành trái phiếu Chính phủ, tiền gửi của các tổ chức tín dụng. Điều này làm hạn chế phát huy vai trò khuyến khích người dân tiết kiệm, tích lũy vốn. Đồng thời NHCSXH cũng thiếu vốn cho việc duy trì hoạt động lâu dài nếu Chính phủ ngưng tài trợ và hỗ trợ về chính sách cho hoạt động của Ngân hàng.

4.3. Dịch vụ thanh toán

Dịch vụ thanh toán tại NHCSXH cũng chưa phát triển và số lượng giao dịch còn quá ít so với thanh toán qua các ngân hàng thương mại khác, và quá ít so với doanh số cho vay của ngân hàng. Nhìn vào bảng kết quả thu từ dịch vụ thanh toán qua báo cáo tài chính của NHCSXH Việt Nam trong toàn hệ thống thì ta thấy rõ thực trạng này.

Bảng 1: Kết quả thu từ dịch vụ thanh toán, 2012-2014

Đơn vị tính: triệu đồng

	2012	2013	2014
Thu từ dịch vụ thanh toán	211	220	253

Nguồn: Báo cáo thường niên của NHCSXH Việt Nam

Rõ ràng việc khuyến khích người dân thanh toán qua ngân hàng sẽ tiết kiệm chi phí và đồng thời Ngân hàng cũng kiểm soát được thu chi của khách hàng vay tại ngân hàng. Vì vậy, sắp tới cần khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cũng như các biện pháp marketing đến người dân về dịch vụ này tại NHCSXH.

4.4. Dịch vụ kênh phân phối

Hiện nay NHCSXH Việt Nam mới chỉ cung cấp được dịch vụ phát hành thẻ ATM cho sinh viên. Để tạo điều kiện thuận lợi cho học sinh, sinh viên (HSSV) khi sử dụng vốn vay đóng học phí và trang trải các khoản chi phí cho học tập, đồng thời hỗ trợ cho gia đình khi vay và chuyển tiền vay không phải chịu chi phí khi chuyển tiền cho HSSV, mặt khác HSSV không phải bảo quản tiền mặt nên đảm bảo an toàn và được hưởng lãi theo mức lãi suất không kỳ hạn tính trên số dư của tài khoản thẻ, NHCSXH đã ký hợp đồng hợp tác với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank) và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam (Vietinbank) về việc phát hành thẻ để thực hiện giải ngân cho vay.

Thẻ ATM được phát hành cho HSSV nhưng là thẻ do Agribank và Vietinbank phát hành. Điều này làm hạn chế trong thanh toán cũng như tốn kém thời gian và chi phí giao dịch cho cả Ngân hàng và khách hàng. Các dịch vụ về kênh phân phối chưa phát triển làm

hạn chế các dịch vụ TCVM khác, đặc biệt là dịch vụ thanh toán qua NHCSXH.

Qua phân tích trên, có thể thấy rõ rằng: các dịch vụ TCVM của NHCSXH Việt Nam còn đơn điệu, chưa đầy đủ và cũng chưa được đa dạng; chưa có các dịch vụ bảo hiểm, dịch vụ tài chính nông nghiệp, dịch vụ kênh phân phối cũng gần như chưa phát triển. Các dịch vụ ngân hàng còn mang tính thủ công, chưa ứng dụng công nghệ hiện đại trong Ngân hàng. Chính sự hỗ trợ của Chính phủ mà làm cho hoạt động của NHCSXH như một tổ chức thực hiện các chính sách của Chính phủ nhằm đảm bảo quyền kinh tế và xã hội của con người ở Việt Nam chứ chưa theo thị trường, chưa có sự phát triển lâu dài, không linh hoạt và ít có hiệu quả. Vì vậy, nếu Chính phủ ngưng tài trợ thì NHCSXH có thể ngưng hoạt động.

5. Phát huy vai trò của dịch vụ tài chính vi mô tại NHCSXH Việt Nam nhằm đảm bảo quyền kinh tế, xã hội của con người.

Với thực trạng trên, để đảm bảo quyền kinh tế và xã hội của con người và phát huy vai trò của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam thì cần phải phát triển và hoàn thiện các dịch vụ tài chính vi mô tại NHCSXH trong thời gian tới.

Một là, cần phải có kế hoạch cho sự phát triển lâu dài của NHCSXH Việt Nam, thay đổi nhận thức về sự tồn tại của NHCSXH: nó phải được chuyển đổi hình thức hoạt động sang cơ chế thị trường, phải có lãi hoặc ít nhất là thu phải bù đủ chi (hòa vốn). Chẳng hạn: lãi suất cho vay phải tăng theo thị trường (hiện nay lãi suất cho vay là ưu đãi và thấp hơn lãi suất huy động) điều này dẫn đến việc sử dụng vốn vay không hiệu quả, hoặc người đi vay không sử dụng vốn vay mà chỉ vay về để cho vay lại rồi hưởng chênh lệch. Đối mới hướng hoạt động của Ngân hàng sao cho nó vẫn tồn tại, phát triển ngay cả khi không còn sự tài trợ về vốn và các chính sách hỗ trợ của Chính phủ. Vì vậy, cần hướng tới hiệu quả và sự phát triển bền vững của NHCSXH.

Hai là, để hoạt động NHCSXH có hiệu quả và phát triển bền vững cần phát triển đầy đủ các dịch vụ tài chính vi mô còn thiếu tại NHCSXH, nó là biện pháp toàn diện để hỗ trợ người nghèo và đảm bảo các quyền kinh tế và xã hội. Chẳng hạn, dịch vụ bảo hiểm hạn chế rủi ro cho người nghèo; các dịch vụ tài chính nông nghiệp cung cấp các giải pháp toàn diện trong hỗ trợ sản xuất nông nghiệp cho người dân; và dịch vụ phân phối giúp giảm chi phí, hạn chế rủi ro tài chính và kiểm soát tốt tài chính vi mô cho khách hàng trong đó có cả khách hàng là người nghèo, hộ sản xuất kinh doanh nhỏ, doanh nghiệp vừa và nhỏ...

Ba là, cần có sự đào tạo về cán bộ để phát triển các dịch vụ bảo hiểm, tài chính nông nghiệp và các dịch vụ kênh phân phối, đặc biệt là tư vấn về tài chính và hỗ trợ kiến thức sản xuất kinh doanh cho người dân.

Đồng thời, cần có sự phối hợp đồng bộ giữa các cơ quan chuyên môn (khuyến công, nông, lâm, ngư...) trong việc thực hiện trách nhiệm dạy nghề, hướng dẫn, tập huấn chuyển giao khoa học công nghệ đối với các hộ vay vốn, để tăng hiệu quả sử dụng vốn vay.

Bốn là, cần ứng dụng mạnh mẽ hơn nữa công nghệ thông tin trong các dịch vụ ngân hàng, đầu tư cho máy móc thiết bị và cơ sở hạ tầng để phát triển các dịch vụ ngân hàng hiện đại. Người dân có thể chuyển sang sử dụng dịch vụ TCVM ở các ngân hàng thương mại khác nếu NHCSXH lạc hậu hơn trong công nghệ ngân hàng.

6. Kết luận

Vai trò của dịch vụ tài chính vi mô trong việc đảm bảo quyền kinh tế và xã hội của con người là rất rõ. Vì vậy, việc phát triển dịch vụ TCVM tại NHCSXH Việt Nam là xu hướng tất yếu. Xong, để thực hiện thành công các giải pháp trên thì phải có sự hỗ trợ và đầu tư ban đầu của Chính Phủ, và đặc biệt là phải đổi mới một cách mạnh mẽ phương thức hoạt động của NHCSXH Việt Nam theo hướng thị trường. Vì vậy, Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam cần có các giải pháp toàn diện hơn nữa trong thời gian tới, hướng tới phát triển các dịch vụ tài chính vi mô nhằm phát huy vai trò của nó trong đảm bảo quyền kinh tế và xã hội của con người./.

Tài liệu tham khảo

- Branco, M. (2009) Economics versus Human Rights, London: Routledge.
- Joanna Ledgerwood (1999), Sustainable banking with the poor - Microfinance handbook, The world bank Washington, D.C.
- Joanna Ledgerwood (2013), Julie Earne and Candace Nelson, The new — Microfinance handbook, The world bank Washington, D.C.
- Văn Thắng (2016), Không còn chuyện “Vay tiền về bỏ ống tre”, Đặc san thông tin ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam số 75 năm 2016.
- Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam, báo cáo thường niên từ năm 2010 đến năm 2015.